

Bản án số: **06/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 19/3/2019
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Triệu

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Lộc

2. Bà Nguyễn Thị Thu Ba

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung – Thư ký Tòa án huyện Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Ông Lê Văn Chung – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2018/TLST- HNGĐ, ngày 14/12/2018, về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: số 27 TP, khu phố A, thị trấn B, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: **Anh Võ Phước L**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Th trình bày:

Chị Th và anh L tự nguyện, tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 1995, không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống với nhau một người con chung tên Võ Văn Th, sinh ngày 01/3/1996. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau; anh L đã ngoại

tình với người phụ nữ khác và ham mê cơ bạc. Từ tháng 11 năm 2018 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân và hiện không còn chung sống với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và xét mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Khi ly hôn con chung tên Võ Văn Th đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Phước L có ý kiến như sau: Về hôn nhân, con chung, tài sản và công nợ như vợ Nguyễn Ngọc Th trình bày là đúng nhưng do còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị Th.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật; tại phiên tòa có sự thay đổi Hội thẩm nhân dân, Thẩm phán đã giải thích việc thay thế Hội thẩm dự khuyết các đương sự thống nhất và đồng ý tiếp tục xét xử. Tuy nhiên Thẩm phán có vi phạm là đương sự nộp biên lai án phí ngày 06/12/2018 nhưng đến ngày 14/12/2018 mới thụ lý vụ án là vi phạm theo khoản 3 Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống từ năm 2015 đến nay chị Th, anh L thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến nhau trong cuộc sống, do anh L ngoại tình, ham mê cờ bạc, không chăm lo cho gia đình. Xét thấy chị Th, anh L chung sống từ năm 1995 đến nay như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Th và anh L là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Võ Văn Th đã trưởng thành, chị Th và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị miễn xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị Th và anh L xác định không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Th và anh Võ Phước L tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1995, hai người có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống như vợ chồng là vi phạm

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quá trình chung sống có một người con chung tên Võ Văn Th đã trưởng thành; về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, công nợ chung không có, nay chị Th yêu cầu ly hôn, anh L không đồng ý nhưng cũng đã thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị Th trình bày là có thật. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Ngọc Th và anh Võ Phước L là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 người con chung tên Võ Văn Th. Hiện Thanh đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[3]. Về tài sản chung: Anh L và chị Th xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4]. Về công nợ chung: Anh L và chị Th xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 35; 147; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 14; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Ngọc Th và anh Võ Phước L là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Võ Văn Th đã trưởng thành chị Nguyễn Ngọc Th và anh Võ Phước L không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

3. Về tài sản chung: Anh L và chị Th xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về công nợ chung: Anh L và chị Th xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo lai thu số 0008150 ngày 06/12/2018, chị Th không phải nộp thêm.

Anh Võ Phước L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Ngọc Triệu